

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/LĐPT
Ngày 14/11/2018
“V/v Đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Đoàn Ngọc Thiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLPT-LĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Do bản án lao động sơ thẩm số 01/2018/LĐST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện R bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Trần Đình N, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn B, huyện R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố D, thị trấn E, huyện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố F, thị trấn B, huyện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố G, thị trấn E, huyện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ban quản lý M.

Địa chỉ: Tỉnh lộ L, khu phố K, thị trấn B, huyện R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Đỗ Thành A , sinh năm 1965, chức vụ : Giám đốc BQL M (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: tỉnh lộ L, khu phố K, thị trấn B, huyện R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giấy ủy quyền số 91/UQ.BQLM ngày 16/4/2018).

Người làm chứng: Ông Lê Tân T, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Đường P, khu phố V, thị trấn E, huyện R, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông N, ông Đ, ông Q, ông T.

Cơ quan kháng nghị : Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Các nguyên đơn gồm ông Trần Đình N, ông Nguyễn Tân Đ, ông Trần Văn Q, ông Lê Hoàng T trình bày trong đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Trần Quang M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:**

Các nguyên đơn ký hợp đồng lao động không kỳ hạn với BQL M với nhiệm vụ là nhân viên quản lý bãi đậu xe. Đến ngày 07/9/2017 BQL M chấm dứt hợp đồng lao động với các nguyên đơn. Việc chấm dứt hợp đồng lao động này là trái luật vì:

Căn cứ vào công văn 3502/UBND-SNV ngày 26/4/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thì các nguyên đơn không thuộc đối tượng điều chỉnh của văn bản này và các nguyên đơn không được thông báo nghỉ việc trước khi chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của luật lao động do đó các nguyên đơn có yêu cầu cụ thể như sau:

1. Ông Trần Đình N yêu cầu: Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động đối với N là trái pháp luật, BQL M phải trả chế độ lao động cho ông N các khoản sau:

- Tiền Lương tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử với mức lương 2,22/tháng, thành tiền 2.404.149đ/ tháng (sau khi đã trừ bảo hiểm Y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn).

- Tiền lương ngoài giờ 500.000đ/tháng (tương đương 16 giờ X mức lương)

- Tiền trang phục năm 2017: 800.000đ.

- BQL M phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho đến ngày xét xử.

- 02 tháng tiền lương, do không còn nhu cầu quay trở lại làm việc theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động.

- Tiền bồi thường 45 ngày lương do không được báo trước theo khoản 5 Điều 42 Luật lao động.

- Buộc trả tiền từ lãi xuất chậm trả tính từ ngày 08/9/2017 cho đến ngày xét xử với mức lãi xuất do ngân hàng nhà nước quy định.

2. Ông Nguyễn Tấn Đ yêu cầu: Thống nhất lời trình bày, cũng như các yêu cầu như ông N tuy nhiên về mức lương của ông Đ là 2,04, thực nhận 2.209.218 đ/tháng.

3. Ông Trần Văn Q: Thống nhất lời trình bày, cũng như các yêu cầu như ông N tuy nhiên về mức lương của ông Q là 1,86, thực nhận 2.014.287đ/tháng.

4. Ông Lê Hoàng T: Thống nhất lời trình bày, cũng như các yêu cầu như ông N tuy nhiên về mức lương của ông T là 1,68; thực nhận 1.819.356đ/tháng.

*** Bị đơn BQL M, người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Văn N trình bày:** Thừa nhận việc ký kết hợp đồng lao động; thời hạn lao động, mức lương và công việc của các nguyên đơn là đúng như các nguyên đơn trình bày . BQL M không đồng ý các yêu cầu của các nguyên đơn mà chỉ đồng ý trả cho mỗi nguyên đơn tiền lương từ 01/7/2017 đến ngày 07/9/2017.

Tại Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện R đã áp dụng Điều 38; khoản 5 Điều 42, Điều 90, Điều 186 Bộ luật lao động; điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tuyên bị đơn đơn phương chấm dứt các hợp đồng lao động đối với các ông N, Đ, Q, T là trái pháp luật.

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu của các nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn số tiền như sau:

- Trả cho ông N 11.020.000đ (mười một triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

- Trả cho ông Đ 10.182.000đ (mười triệu một trăm tám mươi hai ngàn đồng).

- Trả cho ông Q 9.360.000đ (chín triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng)

- Trả cho ông T 8.538.000đ (tám triệu năm trăm ba tám ngàn đồng).

- Ban quản lý M phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các nguyên đơn đến ngày 07 tháng 09 năm 2017 theo bảng lương của các nguyên đơn trước khi nghỉ việc.

- Các nguyên đơn liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục về nhận tiền bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả , án phí, quyền kháng cáo , thời hiệu thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2018, các nguyên đơn Q, N, Đ, T có đơn kháng cáo một phần Bản án lao động sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện R với nội dung : Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38, 41 Bộ luật lao động năm 2014, thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, người sử dụng lao động phải thông báo cho người lao động biết trước ít nhất 45 ngày; Điều 41 Bộ luật lao động năm 2014 quy định “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật là các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định tại các điều 37, 38 và 39 của Bộ luật này”. Do đó các các nguyên đơn Q, N, Đ, T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Tuyên bố quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của BQL M đối với các nguyên đơn Q, N, Đ, T là trái pháp luật.

- Ngoài việc BQL M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên, thì BQL M còn phải có trách nhiệm thanh toán thêm khoản tiền lương, bảo hiểm và các khoản phụ cấp khác từ ngày 08/9/2017 đến khi bản án phúc thẩm được tuyên theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2014.

- BQL M phải trả thêm lãi suất của số tiền lương chậm trả từ ngày 08/9/2017 đến khi bản án phúc thẩm được tuyên (Tính theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành).

- BQL M phải bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật cộng thêm với ít nhất 02 tháng tiền lương trợ cấp thôi việc do các nguyên đơn Q, N, Đ, T không có nhu cầu quay trở lại làm việc.

Cùng ngày 03/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện R có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 219/QĐ-KNPT-VKS-R với nội dung bản án sơ thẩm có những hạn chế như sau:

1. Về tố tụng: Bản án sơ thẩm vi phạm Điều 5 BLTTDS không xem xét đầy đủ, đúng yêu cầu khởi kiện của đương sự; Bản án sơ thẩm xem xét ngoài phạm vi đơn khởi kiện của đương sự và không tuyên án ở phần quyết định; một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Q, N, Đ, T không đúng đối tượng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 193 BLTTDS. Do đó đề nghị khắc phục:

- Đối với yêu cầu về tiền lương trong những ngày không được làm việc, cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động bản án cần tuyên rõ bác yêu cầu hay chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn Q, N, Đ, T.

- Phần nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm bỏ không nhận xét, đánh giá về tiền làm thêm giờ.

- Cần tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Q, N, Đ, T về việc yêu cầu BQL M trả trợ cấp thôi việc, bảo hiểm thất nghiệp do không đúng đối tượng.

2. Về nội dung đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn Q, N, Đ, T tuyên bố quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của BQL M đối với các nguyên đơn Q, N, Đ, T là trái pháp luật.

- Buộc BQL M bồi thường tiền lương trong những ngày các nguyên đơn Q, N, Đ, T không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động đã ký kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các nguyên đơn Q, N, Đ, T trình bày: Chủ trương của đảng và Nhà nước là đúng nhưng BQL M thực hiện không đúng thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động; thời điểm các nguyên đơn Q, N, Đ, T nghỉ làm là ngày 07/9/2017; tại cuộc họp ngày 16/5/2017 thì các nguyên đơn Q, N, Đ, T không được dự.

- Ông N1 đại diện BQL M trình bày:

+ UBND huyện R cho ông T1 (giám đốc BQL M) thôi việc kể từ ngày 12/6/2017, bổ nhiệm ông S giữ chức vụ giám đốc BQL M vào ngày 01/8/2017, nên từ ngày 12/6/2017 đến ngày 31/7/2017 thì BQL M không có người đại diện theo pháp luật.

+ Khi họp xét chấm dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T vào ngày 07/9/2017 thì ông S không đồng ý ký các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động vì việc này xảy ra trước thời điểm ông S nhận công tác tại BQL M. Mặt khác nếu chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 07/9/2017 thì không có căn cứ trả lương và các chế độ lao động cho người lao động. Nên ông S đã chỉ đạo ông T2 phó giám đốc BQL M ký lùi ngày chấm dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T vào ngày 01/7/2017.

Từ các lý do trên ông N 1 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hợp đồng lao động giữa BQL M với các ông Q, N, Đ, T là hợp đồng không xác định thời hạn, do đó khi chấm dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T thì BQL M đã vi phạm thời hạn báo trước. Đồng thời khi giải quyết tranh chấp lao động thì bản án sơ thẩm có những thiếu sót như nội dung kháng nghị đã nêu nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, kháng nghị sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

*** Xét kháng cáo của 04 nguyên đơn Q, N, Đ, T và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện R liên quan đến quan hệ lao động giữa BQL M với 04 nguyên đơn Q, N, Đ, T như sau:**

1. Loại hợp đồng lao động đã ký kết giữa BQL M với 04 nguyên đơn Q, N, Đ, T:

Ngày 01/01/2016, BQL M ký hợp đồng lao động có thời hạn đối với các ông Q, N, Đ, T cụ thể là ký Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ với ông Q; ký Hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ với ông N; ký Hợp đồng lao động số 03/HĐLĐ với ông Đ và ký Hợp đồng lao động số 05/HĐLĐ với ông T đều có thời hạn 12 tháng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016; công việc phải làm là giữ xe và đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại bãi đậu xe L.

2. Sự chuyển hoá loại hợp đồng lao động và lý do, nguyên nhân chấm dứt hợp đồng lao động của BQL M đối với 04 nguyên đơn Q, N, Đ, T:

2.1. Sự chuyển hoá loại hợp đồng lao động giữa BQL M với 04 nguyên đơn Q, N, Đ, T: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

- Ngày 04/01/2017, Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản số 30/VPCP – TCCV (BL 119) nội dung: “Các bộ, ngành, địa phương phải thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng, quản lý biên chế công chức, viên chức... đối với những công việc không nhất thiết phải tuyển dụng vào biên chế, thực hiện lao động theo quy định tại nghị định 68/2000/NĐ-CP”.

- Ngày 26/4/2017 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Công văn số 3502/UBND – SNV (BL120) nội dung: “Kể từ nay, tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh không được phép ký hợp đồng lao động để làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chức trách, nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức khi chưa có chủ trương đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh”.

- Ngày 04/5/2017, UBND huyện R có Công văn số 2042/UBND-VP (BL 122) nội dung: “Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai, quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị biết nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3502/UBND – SNV”.

Đối chiếu với các văn bản nêu trên cho thấy: Công việc mà BQL M đã ký kết với các ông Q, N, Đ, T để “giữ xe và đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại bãi đậu xe L” là thuộc trường hợp không được ký tiếp hợp đồng lao động.

Do việc triển khai văn bản số 30/VPCP – TCCV ngày 04/01/2017 của Văn phòng Chính phủ chậm, trong khi thời hạn của 04 hợp đồng lao động đã ký kết giữa BQL M với các ông Q, N, Đ, T hết hạn vào ngày 31/12/2016 và không có căn cứ để ký lại hợp đồng lao động, nhưng BQL M không làm thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T theo chỉ thị của cấp trên, lại ban hành Công văn số 100/BQLDL ngày 22/5/2017 (BL123) gửi UBND huyện R đề nghị cho phép các ông

Q, N, Đ, T được tiếp tục ký hợp đồng lao động làm chuyên môn nghiệp vụ tại đơn vị. Nên ngày 12/6/2017 UBND huyện R phải có Công văn số 2836/UBND – NV (BL132) đề nghị BQL M phải nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Do đó ngày 07/9/2017, BQL M mới tiến hành họp giải quyết việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với các ông Q, N, Đ, T.

Vì thời hạn lao động của các ông Q, N, Đ, T hết hạn vào ngày 31/12/2016 nhưng BQL M không có căn cứ ký lại hợp đồng lao động và cũng không làm thủ tục chấp dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T nên các ông Q, N, Đ, T vẫn tiếp tục làm việc bình thường, do đó sau 30 ngày kể từ ngày 31/12/2016 thì hợp đồng lao động có thời hạn của các ông Q, N, Đ, T đều được chuyển hoá thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo khoản 2, Điều 22 Luật Lao Động.

2.2. Lý do, nguyên nhân chấm dứt hợp đồng lao động giữa BQL M với 04 nguyên đơn Q, N, Đ, T:

Vì việc “tuyển dụng, sử dụng, quản lý biên chế công chức, viên chức... đối với những công việc không nhất thiết phải tuyển dụng vào biên chế, thực hiện lao động theo quy định tại nghị định 68/2000/NĐ-CP” theo văn bản số 30/VPCP – TCCV ngày 04/01/2017 của Văn phòng Chính phủ là chủ trương chung của Đảng và Nhà nước được áp dụng đối với tất cả các bộ, ngành, địa phương trong cả nước, nên quan hệ lao động giữa BQL M với các ông Q, N, Đ, T cũng không có ngoại lệ. Do đó cùng ngày 01/7/2017, BQL M đã ban hành Quyết định số 260/QĐ.BQLM chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Q (BL 61); Quyết định số 259/QĐ.BQLM chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông N (BL 104); Quyết định số 261/QĐ.BQLM chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đ (BL 32); Quyết định số 162/QĐ.BQLM chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T là có căn cứ theo điểm c, khoản 1, Điều 38 Luật Lao Động.

3. Xét trình tự thủ tục của BQL M ban hành 04 quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với 04 nguyên đơn Q, N, Đ, T:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện trình tự thủ tục của BQL M ban hành 04 quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với các ông Q, N, Đ, T có những thiếu sót như sau:

3.1. Vi phạm quy định thời hạn báo trước: Tại điểm a, khoản 2, Điều 38 Bộ Luật Lao Động quy định khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động “... phải báo cho người lao động biết trước ít nhất 45 ngày”.

Xét thấy: Mặc dù nội dung cuộc họp ngày 16/5/2017 là về vấn đề chấm dứt hợp đồng lao động đối với các ông Q, N, Đ, T nhưng trong “Biên bản họp cơ quan” của BQL M chỉ ghi thành phần dự họp gồm 24/26 viên chức, vắng 02 mà không nêu tên cụ thể về sự có mặt hay vắng mặt của các ông Q, N, Đ, T. Tại phiên toà phúc thẩm các ông Q, N, Đ, T đều cho rằng không được tham dự cuộc họp giải quyết việc chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 16/5/2017 này.

Trên thực tế, trước khi BQL M ban hành 04 quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T thì BQL M không có văn bản thông báo chính thức nào cho các ông Q, N, Đ, T biết, do đó việc chấm dứt hợp đồng lao động của BQL M đối với các ông Q, N, Đ, T đã vi phạm điểm a, khoản 2, Điều 38 Bộ Luật Lao Động.

3.2. Thẩm quyền ký 04 quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với 04 nguyên đơn Q, N, Đ, T:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do BQL M cung cấp tại cấp phúc thẩm thể hiện:

- Ngày 19/02/2016 UBND huyện R ban hành Quyết định số 2712/QĐ-UBND V/v bổ nhiệm lại công chức đối với ông Lê Văn T1 là Giám đốc BQL M.

- Ngày 19/4/2017, ông T1 ban hành Thông báo số 85/TB-BQLDL V/v ủy quyền cho ông Trần Thanh T2 chức vụ Phó giám đốc trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động của BQL M.

- Ngày 08/6/2017, UBND huyện R ban hành Quyết định 1423/QĐ-UBND V/v cho thôi việc công chức đối với ông Lê Văn T1 kể từ ngày 12/6/2017, nên kể từ ngày 12/6/2017 thì việc ủy quyền của ông T1 cho ông T2 Phó giám đốc trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động của BQL M theo Thông báo số 85/TB-BQLDL cũng hết hiệu lực.

- Ngày 26/7/2017, UBND huyện R ban hành Quyết định số 1955/QĐ-UBND về việc tiếp nhận và bổ nhiệm công chức đối với ông Nguyễn Văn S giữ chức vụ Giám đốc BQL M.

- Ngày 12/3/2018, UBND huyện R ban hành Quyết định số 926/QĐ-UBND về việc điều động và bổ nhiệm công chức đối với ông Đỗ Thanh A giữ chức vụ Giám đốc BQL M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N1 đại diện BQL M xác nhận: Từ ngày 12/6/2017 đến ngày 31/7/2017 thì BQL M không có người đại diện theo pháp luật; khi họp xét chấm dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T vào ngày 07/9/2017 thì ông S không đồng ý ký các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động vì việc này xảy ra trước thời điểm ông S nhận công tác tại BQL M. Mặt khác nếu chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 07/9/2017 thì không có căn cứ trả lương và các chế độ lao động cho người lao động. Nên ông S đã chỉ đạo ông T2 phó giám đốc BQL M ký lùi ngày chấp dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T vào ngày 01/7/2017.

Từ những căn cứ trên cho thấy, hành vi chỉ đạo và ký lùi ngày chấp dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T vào ngày 01/7/2017 là không đúng, và việc ông T2 ký 04 quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T vào cùng ngày 01/7/2017 là cũng đều không đúng thẩm quyền.

3.3. *Trách nhiệm của người sử lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động* : Ngày 01/7/2017 BQL M ban hành 04 quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với các ông Q, N, Đ, T nhưng đến ngày 27/9/2017 mới có thông báo giải quyết chế độ lao động cho các ông Q, N, Đ, T là vi phạm thời hạn giải quyết chế độ lao động được quy định tại khoản 2, Điều 47 Bộ Luật Lao Động.

4. Những hạn chế của bản án sơ thẩm:

- Tại phần “**Nội dung vụ án**” và phần “**Nhận định của Tòa án**” rất sơ xài, chung chung, không cụ thể rõ ràng và có thiếu sót dẫn đến nội dung trong phần “**Quyết định**” của bản án cũng thiếu sót, không đầy đủ như kháng cáo của các ông Q, N, Đ, T và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện R đã nêu.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ có liên quan làm căn cứ giải quyết vụ án một cách toàn diện, đầy đủ.

- Tòa án cấp sơ thẩm không đòi chiều các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn với các quy định trong Bộ Luật Lao Động để xem xét giải quyết nên nhận định giải quyết sót yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tuy nhiên do ông T2 là người ký 04 quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (Quyết định số 260/QĐ.BQLM; Quyết định số 259/QĐ.BQLM; Quyết định số 261/QĐ.BQLM; Quyết định số 162/QĐ.BQLM) cùng ngày 01/7/2017 là không đúng thẩm quyền, nên cả 04 quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của BQL M đối với các ông Q, N, Đ, T đều không phát sinh hiệu lực. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất : Sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy 04 quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (Quyết định số 260/QĐ.BQLM; Quyết định số 259/QĐ.BQLM; Quyết định số 261/QĐ.BQLM; Quyết định số 162/QĐ.BQLM) cùng ngày 01/7/2017 của BQL M đối với các ông Q, N, Đ, T. BQL M có trách nhiệm giải quyết lại việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với các ông Q, N, Đ, T theo đúng trình tự thủ tục được quy định trong Bộ luật lao động ; đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm đối với các thiếu sót đã đề cập nêu trên.

Các đương sự không phải chịu án phí lao động.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của các ông Trần văn Q, Trần Đình N, Nguyễn Tân Đ, Lê Hoàng T; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện R, sửa Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 23/1/2018 của Tòa án nhân dân huyện R như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông Trần văn Q, Trần Đình N, Nguyễn Tân Đ, Lê Hoàng T. Hủy các quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao

đồng của Ban quản lý M do người ký quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Huỷ Quyết định số 260/QĐ.BQLM ngày 01/7/2017 của Ban quản lý M về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Trần văn Q.

- Huỷ Quyết định số 259/QĐ.BQLM ngày 01/7/2017 của Ban quản lý M về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Trần Đình N.

- Huỷ Quyết định số 261/QĐ.BQLM ngày 01/7/2017 của Ban quản lý M về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Tân Đ.

- Huỷ Quyết định số 162/QĐ.BQLM ngày 01/7/2017 của Ban quản lý M về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Lê Hoàng T.

2. Ban quản lý M phải thực hiện nghiêm túc văn bản số 30/VPCP – TCCV ngày 04/01/2017 của Văn phòng Chính phủ ; Công văn số 3502/UBND – SNV ngày 26/4/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Công văn số 2042/UBND-VP ngày 04/5/2017 của UBND huyện R. Đồng thời Ban quản lý các khu du lịch huyện R có trách nhiệm giải quyết lại việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với các ông Trần văn Q, Trần Đình N, Nguyễn Tân Đ, Lê Hoàng T theo đúng trình tự thủ tục được quy định trong Bộ Luật Lao động.

3. Án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/11/2018).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Quang